TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 838/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 673/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 564/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1**. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: KPH, thị trấn CTH, huyện CH, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Bùi Chấn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: 31/19 ấp 1, tổ 2, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu Q trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Bùi Chấn H chung sống vợ, chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 398, do Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CH, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 11 năm 2002. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra ông H cũng đã bỏ đi 17 năm không về cho đến nay và Bà Q xác định không còn tình cảm gia đình, không thể hàn gắn vợ, chồng. Do đó Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Chấn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 04 con chung trẻ Bùi Thị Quế T , sinh ngày: 21/5/2000 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị Tường D, sinh ngày 11/12/2001 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị

Yến C, sinh ngày 19/8/2003 (đã trưởng thành), riêng trẻ Bùi Thị Tinh N, sinh ngày 19/12/2007 bà Nguyễn Thị Thu Q yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Bùi Chấn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Bùi Chấn H: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nH ông Bùi Chấn H vẫn vắng mặt không đến Tòa trình bày yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán. Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Riêng bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu Bà Q đề nghị được ly hôn với ông H thì kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa ông H vẫn không đến Tòa trình bày yêu cầu chứng tỏ H không còn quan tâm hàn gắn gia đình và Bà Q vẫn giữ ý kiến ly hôn. Do đó yêu cầu Bà Q là có cơ sở phù hợp pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông Bùi Chấn H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nH ông H không đến Tòa tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H đúng theo quy định các Điều 227, Điều 228, Điều 254 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét nguyên đơn Bà Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét bị đơn ông Bùi Chấn H hiện đang đang cư trú tại: 31/19 ấp 1, tổ 2, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

[3.1] Xét Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Bùi Chấn H chung sống vợ, chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 398, do Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CH, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 11 năm 2002, đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thu Q ly hôn với ông Bùi Chấn H, Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra ông H cũng đã bỏ đi 17 năm không về cho đến nay và bà Q xác định không còn tình cảm gia đình, không thể hàn gắn vợ, chồng, Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Chấn H để ổn định cuộc sống, thì lời trình bày có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét về con chung: Có 04 con chung trẻ Bùi Thị Quế T, sinh ngày: 21/5/2000 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị Tường D, sinh ngày 11/12/2001 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị Yến C, sinh ngày 19/8/2003 (đã trưởng thành), riêng trẻ Bùi Thị Tinh N, sinh ngày 19/12/2007 Bà Nguyễn Thị Thu Q yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Bùi Chấn H cấp dưỡng nuôi con. Do đó đề nghị này là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3.3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà Nguyễn Thị Thu Q phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033042, ngày 10 tháng 1 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Vắng mặt đối với Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Bùi Chấn H.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu Q.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với ông Bùi Chấn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 398, do Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CH, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 11 năm 2002 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 04 con chung trẻ Bùi Thị Quế T, sinh ngày: 21/5/2000 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị Tường D, sinh ngày 11/12/2001 (đã trưởng thành), trẻ Bùi Thị Yến C, sinh ngày 19/8/2003 (đã trưởng thành),

Giao trẻ Bùi Thị Tinh N, sinh ngày 19/12/2007 cho Bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Bùi Chấn H cho đến khi nào Bà Nguyễn Thị Thu Q yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Thi hành tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Q phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033042, ngày 10 tháng 1 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Bùi Chấn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CH, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phúc